

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Câu 41: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Lụt úng. B. Ngập mặn. C. Cát bay. D. Lũ quét.

Câu 42: Ngập lụt thường xảy ra vào

- A. đầu mùa hè. B. cuối mùa Đông. C. cuối mùa hè. D. mùa mưa bão.

Câu 43: Ở vùng ven biển, dạng địa hình nào sau đây thuận lợi cho nuôi trồng thủy, hải sản?

- A. Các tam giác châu với bãi triều rộng. B. Vịnh cửa sông, tam giác châu.
C. Các đảo ven bờ, vịnh và cửa sông. D. Có các rạn san hô, đảo ven bờ.

Câu 44: Công nghiệp năng lượng nước ta gồm các phân ngành

- A. khai thác nguyên, nhiên liệu, sản xuất điện. B. khai thác nguyên, nhiên liệu và nhiệt điện.
C. khai thác than, dầu khí và nhiệt điện. D. khai thác than, dầu mỏ và khí đốt.

Câu 45: Vùng núi cao Hoàng Liên Sơn và biên giới các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn có thể mạnh về

- A. chăn nuôi trâu và bò. B. trồng cây lâu năm
C. nuôi gia súc, gia cầm. D. trồng cây dược liệu.

Câu 46: Thế mạnh về tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. đất màu mỡ, địa hình bằng phẳng. B. nguồn nước phong phú, dồi dào.
C. có một mùa đông lạnh và kéo dài. D. ít có thiên tai, sinh vật phong phú

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp Lào?

- A. Đắk Lắk. B. Điện Biên. C. Nghệ An. D. Thanh Hóa.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 -7, cho biết đồng bằng Nghệ An được hình thành do bồi tụ phù sa của sông nào sau đây?

- A. sông Mã – Chu. B. sông Cả. C. sông Gianh. D. sông Thu Bồn.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có biên độ nhiệt trong năm thấp nhất?

- A. Đồng Hới. B. Lạng Sơn. C. Hà Nội. D. TP. Hồ Chí Minh

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Vàm Cỏ Đông thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Ba (Đà Rằng). D. Sông Mê Công.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?

- A. Ngân Sơn. B. Hoàng Liên Sơn. C. Pu Đen Đinh. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với nông nghiệp nước ta?

- A. Chè được trồng nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
B. Cà phê được trồng nhiều ở các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.
C. Trâu được nuôi nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
D. Dừa được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác cao hơn sản lượng nuôi trồng?

- A. Cà Mau. B. Kiên Giang. C. An Giang. D. Bạc Liêu.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có quy mô lớn?

- A. Hải Phòng, Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.
B. Hải Phòng, Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Biên Hòa.
C. Hải Phòng, Nha Trang, Hải Dương, Đà Nẵng.
D. Hải Phòng, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một, Biên Hòa.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết 2 cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Lào?

- A. Tây Trang, Lệ Thanh. B. Cha Lo, Lao Bảo.
C. Nậm Cắn, Hoa Lư. D. Nậm Cắn, Lệ Thanh.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch quốc gia?

- A. Nha Trang, Hạ Long, Huế, Đà Nẵng.
 B. Hạ Long, Vinh, TP. Hồ Chí Minh, Nha Trang.
 C. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Hải Phòng.
 D. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Phúc Yên. B. Bắc Ninh. C. Hải Phòng D. Hà Nội.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết chè được trồng nhiều ở các tỉnh nào sau đây?

- A. Kon Tum, Gia Lai. B. Lâm Đồng, Đắk Lắk. C. Gia Lai, Đắk Lắk. D. Lâm Đồng, Gia Lai.

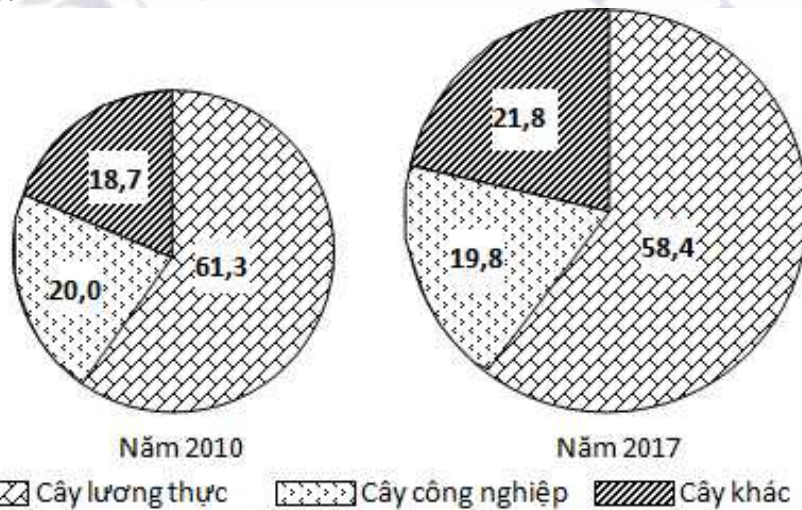
Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

- A. Thủ Dầu Một. B. Vũng Tàu. C. Biên Hòa. D. Quy Nhơn.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu. B. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh.
 C. TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa. D. Thủ Dầu Một, TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu

Câu 61: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng. B. Cây lương thực giảm, cây khác tăng.
 C. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm. D. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng.

Câu 62: Cho bảng số liệu sau:

LAO ĐỘNG 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC HÀNG NĂM PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005-2015

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	Tổng số	Thành thị	Nông thôn
2005	42 775	10 689	32 086
2008	46 461	12 499	33 962
2013	52 028	15 509	36 699
2015	52 840	16 375	36 465

Nhận xét nào sau đây **không** chính xác về lao động Việt Nam từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn giai đoạn 2005 – 2015?

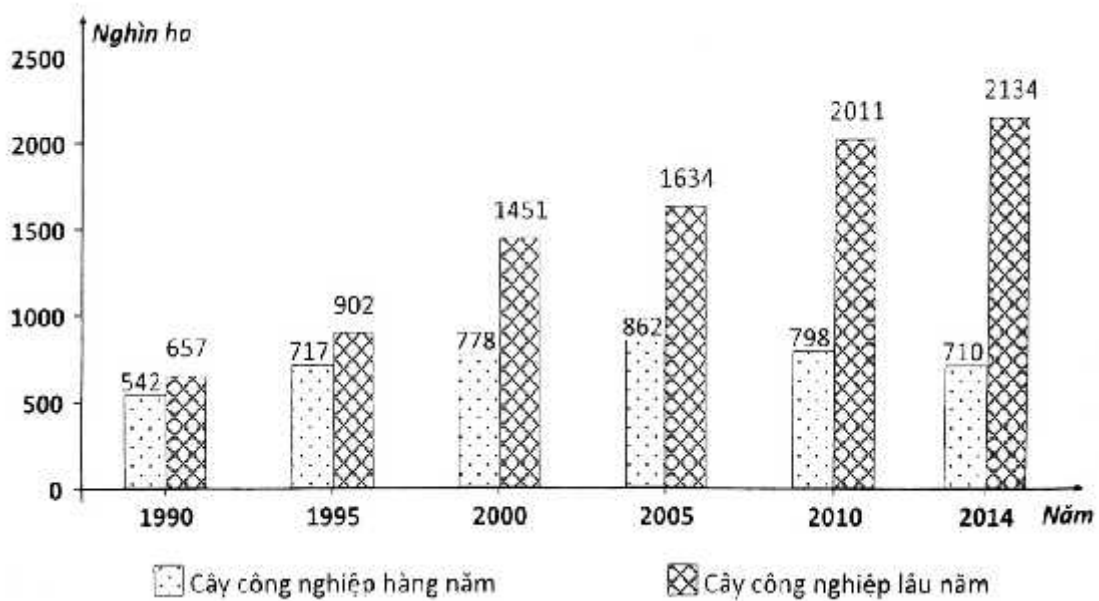
- A. Lao động thành thị tăng nhanh hơn lao động nông thôn.
 B. Tỉ lệ lao động nông thôn liên tục giảm.
 C. Lao động tập trung chủ yếu ở thành thị.
 D. Tỉ lệ lao động thành thị tăng, lao động nông thôn giảm.

- Câu 63:** Yếu tố quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa là
A. vị trí địa lý và hướng của địa hình. **B.** vị trí địa lý và độ cao địa hình.
C. hình dạng lãnh thổ và sinh vật. **D.** vị trí địa lý và hình thể lãnh thổ.
- Câu 64:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?
A. Sản phẩm đã được xuất khẩu. **B.** Cơ cấu cây trồng có thay đổi.
C. Có trình độ lao động rất cao. **D.** Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật.
- Câu 65:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?
A. Là ngành còn rất non trẻ. **B.** Phương tiện ngày càng tốt.
C. Mạng lưới phát triển rộng. **D.** Khối lượng vận chuyển lớn.
- Câu 66:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
A. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
C. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.
D. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.
- Câu 67:** Việc làm ở Đồng bằng sông Hồng là vấn đề nan giải, nhất là khu vực thành thị chủ yếu do
A. nguồn lao động dồi dào, nền kinh tế còn chậm phát triển.
B. nguồn lao động dồi dào, tập trung đông ở khu vực thành thị.
C. nguồn lao động dồi dào, tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo lớn.
D. nguồn lao động dồi dào, trình độ của người lao động hạn chế.
- Câu 68:** Vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất đối với việc phát triển thủy sản ở Bắc Trung Bộ là
A. tăng cường khai thác thủy sản xa bờ. **B.** đẩy mạnh việc nuôi trồng thủy sản.
C. phát triển nhanh công nghiệp chế biến. **D.** hạn chế khai thác nguồn lợi ở ven bờ.
- Câu 69:** Vấn đề có ý nghĩa cấp bách trong phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
B. đẩy mạnh đánh bắt các loài cá quý có giá trị cao.
C. tăng cường nuôi trồng thủy sản ở tất cả các tỉnh.
D. phát triển mạnh chế biến theo hướng hàng hóa.
- Câu 70:** Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là
A. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
B. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.
C. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lý.
D. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- Câu 71:** Diện tích đất nông nghiệp ở nước ta bị thu hẹp chủ yếu do tác động của
A. công nghiệp hóa, đô thị hóa. **B.** hiện đại hóa, cơ giới hóa.
C. đô thị hóa, cơ giới hóa. **D.** cơ giới hóa, thủy lợi hóa.
- Câu 72:** Hạn chế lớn nhất của cơ cấu dân số trẻ là
A. gây sức ép đến vấn đề việc làm và nhà ở. **B.** những người trong độ tuổi sinh đẻ lớn.
C. tỉ lệ dân số phụ thuộc lớn, tăng nhanh. **D.** tỉ lệ tăng gia tăng dân số cao, khó hạ thấp.
- Câu 73:** Nhận định nào sau đây **không** đúng về chất lượng nguồn lao động nước ta?
A. Cần cù, sáng tạo, ham học hỏi, nhiều kinh nghiệm.
B. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.
C. Có tác phong công nghiệp cao và chuyên nghiệp
D. Chất lượng lao động đang ngày càng được nâng lên.
- Câu 74:** Nhận định nào sau đây **không** đúng với tác động của đô thị hóa đối đến sự phát triển kinh tế?
A. Thị trường tiêu thụ àng hóa lớn và đa dạng.
B. Nơi có các trung tâm văn hóa, giáo dục, y tế lớn.
C. Lao động đông đảo, có chuyên môn kỹ thuật.
D. Có cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật tốt và đồng bộ.

Câu 75: Ngành du lịch ở nước ta thực sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ

- A. quy hoạch các vùng du lịch. B. chính sách Đổi mới của Nhà nước.
C. nước ta giàu tiềm năng du lịch. D. phát triển các điểm, khu du lịch thu hút khách.

Câu 76: Cho biểu đồ về sản xuất cây công nghiệp ở nước ta giai đoạn 1990 – 2014:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sản lượng cây công nghiệp hàng năm và lâu năm ở nước ta.
B. Diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm ở nước ta.
C. Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp ở nước ta.
D. Chuyển dịch cơ cấu diện tích cây công nghiệp ở nước ta.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010-2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 78: Nguyên nhân chủ yếu khiến vùng đồi núi nước ta phát triển mạnh địa hình xâm thực là

- A. địa hình cao, mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều sông lớn, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. địa hình đồi núi, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mưa nhiều theo mùa, đất lớp phủ thực vật.
C. rừng bị chặt phá nghiêm trọng do hoạt động canh tác của con người, đất lớp phủ thực vật.
D. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, đất nghèo dinh dưỡng ít phù sa, khí hậu mưa lớn theo mùa.

Câu 79: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa là do

- A. nằm gần đường xích đạo, nhiệt độ cao quanh năm.
B. không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
C. có đường bờ biển rất dài, vùng biển rộng lớn.
D. chủ yếu có địa hình thấp, diện tích đồng bằng lớn.

Câu 80: Hiện tượng mưa phùn xảy ra vào cuối mùa đông ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta chủ yếu là do

- A. gió mùa Đông Bắc lệch Đông qua biển bị biến tính thổi vào nước ta.
B. gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam bị biến tính thổi vào nước ta.
C. gió mùa Đông Bắc và Tín Phong bán cầu Bắc biến tính thổi vào nước ta.
D. gió mùa Tây Nam chuyển hướng thành Đông Nam thổi vào nước ta.

-----HẾT-----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXBGD Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.